

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Ngôn chí – Bài 10

Nguyễn Trãi

Cảnh tựa chùa chiến, lòng tựa thầy (1).

Có thân chớ phải (2) lợi danh vầy.

Đêm thanh hợp nguyệt nghiêng chén,

Ngày vắng xem hoa bọ cây (3).

Cây rợp chồi cành chim kết tổ,

Ao quang mấu ấu (4) cá nên bầy.

Ít nhiều tiêu sái (5) lòng ngoài thế (6),

Năng (7) một ông này đẹp thú này.

(Đào Duy Anh, *Nguyễn Trãi toàn tập*, NXB Khoa học xã hội, 1976)

***Chú thích**

(1) Thầy: Sư thầy, sư trụ trì của chùa;

(2) Chớ phải: Chớ bị, chớ phụ thuộc;

(3) Bọ cây: Chăm nom, săn sóc cây.

(4) Mấu ấu: Mầm cây củ ấu

(5) Tiêu sái: Thanh thoi, thoát tục

(6) Ngoài thế: Tránh xa sự đời bon chen, sát phạt

(7) Năng (nùng): Chỉ có

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định thể thơ của văn bản trên.

Câu 2. Chỉ ra các hình ảnh thiên nhiên có trong bài thơ.

Câu 3. Nhận xét sự đặc biệt về hình thức của hai câu thực. Nêu ý nghĩa của sự đặc biệt đó.

Câu 4. Chỉ ra và nêu tác dụng của phép đối được sử dụng trong hai dòng thơ:

“Cây rợp chồi cành chim kết tổ,

Ao quang mấu ấu cá nên bầy.”

Câu 5. Em rút ra được những bài học gì sau khi đọc văn bản?

II. PHẦN VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) đánh giá đặc sắc của đoạn thơ sau:

“Cảnh tựa chùa chiền, lòng tựa thầy (1).

Có thân chớ phải (2) lợi danh vầy.

Đêm thanh hóp nguyệt nghiêng chén,

Ngày vắng xem hoa bọ cây (3).”

(Trích *Ngôn chí- Bài 10- Nguyễn Trãi toàn tập*, Đào Duy Anh, NXB Khoa học xã hội, 1976)

Câu 2 (4.0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) trình bày suy nghĩ của em về ý kiến sau: *“Cái rễ của học hành thì cay đắng nhưng quả của nó thì ngọt ngào”*. (Ngạn ngữ Hy Lạp)

-----HẾT-----

Học sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi kiểm tra không giải thích gì thêm

Họ, tên học sinh:.....; Số báo danh:.....

Chữ ký cán bộ coi kiểm tra 1:.....; Chữ ký cán bộ coi kiểm tra 2:.....

A. MA TRẬN ĐỀ

MA TRẬN – GIỮA KÌ II MÔN NGỮ VĂN 10 – CẢNH ĐIỀU									
STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Tổng
			ĐH	Viết	ĐH	Viết	ĐH	Viết	
1	ĐỌC HIỂU	Đọc hiểu văn bản văn học	2		2		1		40%
2	VIẾT	Viết đoạn văn nghị luận văn học						1*	20%
3		Viết bài văn nghị luận xã hội						1*	40%
Tổng câu			2		2		1	2	7
Tổng điểm			1		2		1	6	10
Tỉ lệ %			10%		20%		10%		40%
				12.5%		15%		32.5%	60%
ĐỌC HIỂU			Số câu: 5		Tổng điểm: 4		Tỉ lệ điểm: 40%		
VIẾT			Số câu: 2		Tổng điểm: 6		Tỉ lệ điểm: 60%		

B. ĐẶC TẢ ĐỀ

TT	Thành phần năng lực	Mạch nội dung	Cấp độ tư duy	Số câu hỏi theo cấp độ tư duy		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
I	Năng lực Đọc	Văn bản đọc hiểu (Thơ văn Nguyễn Trãi)	Nhận biết: – Nhận biết được một số yếu tố hình thức trong thơ văn của Nguyễn Trãi. Thông hiểu: – Phân tích và đánh giá được giá trị nội dung, nghệ thuật trong thơ văn của Nguyễn Trãi, qua đó thấy được vẻ đẹp tâm hồn của ông. – Phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ trong bài thơ. Vận dụng:	2	2	1

			– Vận dụng được hiểu biết về bối cảnh lịch sử, văn hóa, về tác giả và thể loại vào việc đọc hiểu thơ văn Nguyễn Trãi.			
II	Năng lực Viết	Văn bản nghị luận văn học (Viết đoạn văn)	Nhận biết: – Nhận biết kiểu bài nghị luận; vấn đề cần nghị luận. Thông hiểu: – Diễn giải cảm nhận về nội dung, nghệ thuật trong ngữ liệu: Cách triển khai các luận điểm, cách lập luận chặt chẽ, sắc bén; cách đưa dẫn chứng sinh động, thuyết phục; sử dụng ngôn ngữ chính xác, gợi cảm. Vận dụng: – Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích nội dung, nghệ thuật của ngữ liệu. – Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về vấn đề. – Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục.			1 (*)
		Văn bản nghị luận xã hội (Viết bài văn)	Nhận biết: – Xác định được vấn đề cần bàn luận. – Xác định được cách thức trình bày bài văn. Thông hiểu: – Diễn giải về nội dung, ý nghĩa của vấn đề cần bàn luận. Vận dụng: – Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề. – Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về vấn đề. – Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận, làm cho lời văn có hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục.			1 (*)
Tổng số câu				2	2	3
Tỉ lệ %				22.5%	35%	42.5%

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Hướng dẫn chấm	Điểm
I	PHẦN ĐỌC HIỂU		4.0
	1	Thể thơ: Thất ngôn xen lục ngôn.	0.5
	2	HS kể ra được một số hình ảnh thơ: đêm trăng, hoa, cây, chim, ao, cá, ... Học sinh nêu được 03 hình ảnh thì đạt điểm tối đa.	0.5
	3	Hai câu thực là câu lục ngôn. Ý nghĩa của câu lục ngôn: Sự sáng tạo nghệ thuật và ý thức bản sắc văn hóa dân tộc. Đồng thời, nhấn mạnh ý thơ: Sự thư thái, giản dị trong tận hưởng vẻ đẹp thiên nhiên của Nguyễn Trãi.	1.0
	4	- Phép đối trong hai câu thơ là: Cây rợp – ao quang, chồi cành – mầu ầu, chim kết tổ - cá nên bầy. - Tác dụng + Tạo nên vẻ đẹp đăng đối, hài hòa. + Nhấn mạnh vẻ đẹp thiên nhiên xanh tươi, sinh vật sum vầy, đông đúc. + Tâm hồn hòa hợp, tận hưởng vẻ đẹp thiên nhiên.	1.0
	5	– HS dựa vào nội dung của văn bản tự rút ra cho mình bài học và có lí giải ngắn gọn hợp lí. – Một số bài học được rút ra từ văn bản: + Tình yêu thiên nhiên + Tình yêu quê hương đất nước + Sống không màng danh lợi Học sinh nêu được 02 bài học được điểm tối đa.	1.0
II	PHẦN VIẾT		6.0
	1	Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) đánh giá đặc sắc của đoạn thơ sau: “Cảnh tựa chùa chiền, lòng tựa thấy. Có thân chớ phải lợi danh vây. Đêm thanh hóp nguyệt nghiêng chén, Ngày vắng xem hoa bọ cây.”	2.0
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn: – Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 150 chữ) của đoạn văn. – Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch,	0.25

	quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	
	<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> đánh giá đặc sắc của bốn câu thơ đầu.	0.25
	<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận:</i> – Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: - <i>Khái quát vấn đề:</i> Ngôn chí - bài 10 được sáng tác khi Nguyễn Trãi cáo quan về ở ẩn tại quê nhà với tâm thế dứt bỏ danh lợi, vui với cảnh điền viên thôn dã. - <i>Đặc sắc nội dung:</i> + Hai câu đề: Bức tranh thiên nhiên được mở ra với hình ảnh chùa chiền, nơi yên tĩnh đến kì lạ. Cảnh vật nơi thôn quê đẹp, bình yên như chốn cửa Phật, lòng người cũng thanh cao, hướng thiện. Con người không bị phụ thuộc bởi danh lợi bon chen. Hai câu thơ nói lên sự lựa chọn của Nguyễn Trãi; về với chốn bình yên quê nhà, giữ tâm hồn trong sạch, xa lánh lợi danh. + Hai câu thực: Mỗi câu trình bày một sự việc, vào những thời điểm khác nhau nhưng cùng nói lên tình yêu thiên nhiên, cuộc sống và lối sống giản dị, thanh bạch nơi thôn quê với trăng gió, cỏ cây, hoa lá, chim muông... của Nguyễn Trãi. - <i>Đặc sắc nghệ thuật:</i> Thể thơ thất ngôn xen lục ngôn; ngôn ngữ giản dị, trong sáng; hình ảnh thơ mộc mạc, giàu sức gợi; sử dụng phép đối khá độc đáo... - <i>Dựa trên phương diện nội dung và nghệ thuật, HS bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ của bản thân về tư tưởng của Nguyễn Trãi.</i>	0.5
	<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> – Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. – Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. – Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.	0.5

	bậc thang học vấn. + Quá trình học tập có khi phải trải qua những thất bại, phải nếm vị cay đắng: điểm kém, bị quở mắng, thi hỏng.... - Vị ngọt của quả tri thức hái được từ việc học hành + Vị ngọt của kết quả học tập trước hết là người học được nâng cao hiểu biết của bản thân, giàu có hơn về tri thức và tâm hồn, tự tin hơn trong cuộc sống. + Thành quả học tập mang lại niềm vui, niềm tự hào cho bản thân và gia đình. thầy cô giáo, nhà trường, quê hương... + Thành công trong học tập cũng chắp cánh cho những ước mơ, khát vọng mới trên con đường lập nghiệp. + Phải biết chấp nhận đắng cay trong giai đoạn đầu để sau đó hưởng thành quả tốt đẹp lâu dài. * Dẫn chứng: + Nhà bác học Ê-đi-xon phải trải qua hàng nghìn thí nghiệm, phải tìm tòi không ngừng để phát minh ra bóng đèn dây tóc. + Nhà văn Mác-xim Go-rơ-ki phải kiếm sống đủ thứ nghề vất vả nhưng không nguôi khát vọng học tập. Bằng con đường tự học đầy gian truân, say mê đọc sách tiếp cận ánh sáng văn minh nhân loại và trở thành nhà văn vĩ đại của nhân loại. (Bút danh: Go-rơ-ki có nghĩa là cay đắng) * Đánh giá - Câu nói bao hàm một nhận thức đúng đắn, một lời khuyên tích cực: nhận thức được quá trình chiếm lĩnh tri thức, mỗi người cần có bản lĩnh, chủ động vượt qua khó khăn để thu nhận được thành quả tốt đẹp trong học tập. * Phê phán - Trong thực tế, nhiều người lười biếng không chịu khó học hỏi, trau dồi kiến thức, không biết biến nhựa đắng thành quả ngọt dâng cho đời; hay có những người ỷ lại người khác, không nỗ lực, dẫn đến những hành động gian lận, không trung thực trong học tập - Kết quả học tập nếu không từ công sức bản thân sẽ không bền, sẽ có lúc phải trả giá, sẽ trở thành kẻ kém cỏi trong cái nhìn của mọi người. * Bài học: - Xem câu ngạn ngữ là phương châm nhắc nhở, động viên bản thân trong quá trình học tập. - Rèn ý thức vươn lên trong học tập, không đầu hàng gian nan thử thách, luôn hướng tới những ước mơ, khát vọng hái quả ngọt từ học vấn để thành công.	
--	--	--

		* Kết bài: Khái quát vấn đề nghị luận.	
		đ. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết trong bài văn.	0.25
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0.5
Tổng điểm			10.0

Hà Nội, ngày 12 tháng 2 năm 2025

Người ra đề

Tổ trưởng

Ban giám hiệu

Lê Thị Hồng Nhung

Trần Thị Hà